

Hà Nội, ngày **14** tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 2)
của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 2375/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 7017/QĐ-ĐCT ngày 27/12/2021 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 7236/QĐ-ĐCT ngày 09/02/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 7271/QĐ-ĐCT ngày 28/02/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ công văn số 3201/BTC-HCSN ngày 08/4/2022 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán năm 2022 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (đợt 2);

Xét đề nghị của Văn phòng TW Hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 2) của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. *chữ*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT ĐCT (để báo cáo);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu VT, VP.



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Handwritten signature
Hà Thị Nga



HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022 (ĐỢT 2)

của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số **95**/QĐ-ĐCT ngày **14**/04/2022 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam)

Căn cứ 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Quyết định số 2375/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, công văn số 3201/BTC-HCSN ngày 08/4/2022 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán năm 2022 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (đợt 2); Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành quyết định phân bổ dự toán NSNN năm 2022 (đợt 2) cho các đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

1. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo: 3.407 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí không thường xuyên (Loại 070 - Khoản 092): 117 triệu đồng: giao Trường Trung cấp Lê Thị Riêng để sửa chữa, mua sắm tài sản.
- Kinh phí Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083): 400 triệu đồng, giao Học viện Phụ nữ Việt Nam.
- Kinh phí Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 2.890 triệu đồng, giao Học viện Phụ nữ Việt Nam.

2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 2.730 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí không thường xuyên (Loại 160-Khoản 161): 780 triệu đồng: giao Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam để nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, hiện vật, trưng bày triển lãm, bảo quản hiện vật của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.
- Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171): 500 triệu đồng, giao Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam.
- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 1.450 triệu đồng, giao Văn phòng TW Hội 70 triệu đồng, Báo Phụ nữ Việt Nam: 1.000 triệu đồng, Nhà xuất bản Phụ nữ: 200 triệu đồng, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 180 triệu đồng.

3. Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 361, kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ): 6.105 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027": 900 triệu đồng; giao Báo Phụ nữ Việt Nam 200 triệu đồng, Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam: 250 triệu đồng, Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 250 triệu đồng, Bảo tàng Phụ nữ

Việt Nam: 200 triệu đồng;

- Kinh phí Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”: 3.205 triệu đồng; giao Học viện Phụ nữ Việt Nam: 400 triệu đồng, Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 370 triệu đồng, Báo Phụ nữ Việt Nam: 1.200 triệu đồng, Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam: 335 triệu đồng, Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 300 triệu đồng, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 600 triệu đồng.

- Kinh phí Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài": 2.000 triệu đồng, giao Báo Phụ nữ Việt Nam.

4. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398): 2.000 triệu đồng, giao Trung tâm Phụ nữ và Phát triển (Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh).



CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số phân bổ (đợt 2) năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ							Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105935 3)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	14,242	70	3,690	487	4,400	1,285	2,550	1,760	
I	Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	3,407	0	3,290	117	0	0	0	0	
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>									
1	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092): Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	117			117					
3	Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083)	400		400						
4	- Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083)	2,890	0	2,890						
II	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2,730	70	0	0	1,000	700	0	960	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số phân bổ (đợt 2) năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ							Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105935 3)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	<i>Kinh phí không thường xuyên/Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ</i>									
1	Kinh phí không thường xuyên (Loại 160- Khoản 161)	780	0	0	0	0	0	0	780	
	Kinh phí nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, hiện vật, trưng bày triển lãm, bảo quản hiện vật của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	780							780	
2	Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171)	500					500			
3	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171)	1,450	70			1,000	200		180	
III	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Loại 340 - Khoản 361)	6,105	0	400	370	3,400	585	550	800	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ									
	Kinh phí Đề án	6,105	0	400	370	3,400	585	550	800	
	Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027"	900	0	0	0	200	250	250	200	
	Đề án 939 "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025"	3,205	0	400	370	1,200	335	300	600	
	- Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài"	2,000	0			2,000				

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số phân bổ (đợt 2) năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ							Ghi chú
			VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:105935 3)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
IV	Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398)	2,000	0	0	0	0	0	2,000	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2,000	0	0	0	0	0	2,000	0	
	Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh	2,000						2,000		
	KHO BẠC NHÀ NƯỚC NƠI GIAO DỊCH		Sở giao dịch KBNN, Mã số 0003	KBNN Đồng Đa	KBNN Quận Thủ Đức- TPHCM, Mã số 0136	KBNN Quận Hai Bà Trưng Mã số: 0014	KBNN Quận Hai Bà Trưng Mã số: 0014	KBNN Quận Tây Hồ, Mã số: 0021	KBNN Quận Hoàn Kiếm Mã số: 0013	



HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG 112

MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH: 1059355

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số **95**/QĐ-ĐCT ngày **19/4/2022** của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao năm 2022	Số đã phân bổ đợt 1 năm 2022	Số đã phân bổ đợt 2 năm 2022	Tổng số đã phân bổ cho các đơn vị năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
						VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059353)	TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (Mã QHNS: 1059356)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	DỰ TOÁN THU	1,500	1,500	0	1,500								1,500	
1	Số thu phí, lệ phí	1,500	1,500		1,500								1,500	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	1,500	1,500		1,500								1,500	
2	Số thu nộp NSNN	150	150		150								150	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	150	150		150								150	
3	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	1,350	1,350		1,350								1,350	
	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	1,350	1,350		1,350								1,350	
	- Chi không thường xuyên	1,350	1,350		1,350								1,350	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	110,790	92,959	14,242	107,201	67,495	2,390	17,982	4,719	4,400	1,285	2,550	6,380	
I	Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	26,170	21,174	3,407	24,581	2,650	0	17,582	4,349	0	0	0	0	
1	Kinh phí không thường xuyên		6,733			0	0	4,900	1,833	0	0	0	0	
	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092)		1,833						1,833					
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081)		4,900					4,900						
2	Kinh phí không thường xuyên		14,441			2,650	0	12,682	2,516	0	0	0	0	
2.1	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092)		2,399	117		0		0	2,516	0		0	0	
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản		0	117					117					
	Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập		2,399						2,399					
2.2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081)		3,392			0	0	3,392	0	0	0	0	0	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao năm 2022	Số đã phân bổ đợt 1 năm 2022	Số đã phân bổ đợt 2 năm 2022	Tổng số đã phân bổ cho các đơn vị năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
						VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059353)	TRƯỜNG TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
	Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập		2,399					2,399						
	Kinh phí thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số		24					24						
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số		608					608						
	Kinh phí thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người		232					232						
	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật		129					129						
2.3	Kinh phí thực hiện Đề án Thúc đẩy chuyển đổi số		6,000					6,000						
2.4	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085)		540			540			0					
2.5	Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083)		0	400				400						
2.6	- Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083)		2,110	2,890		2,110		2,890						
II	Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103)	2,710	2,710	0	2,710	2,710		0	0	0		0	0	
1	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ không thường xuyên khác		1,210		1,210	1,210								
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (kinh phí đề tài khoa học)		1,500		1,500	1,500								
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	9,340	6,610	2,730	9,340	2,060	0	0	0	1,000	700	0	5,580	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao năm 2022	Số đã phân bổ đợt 1 năm 2022	Số đã phân bổ đợt 2 năm 2022	Tổng số đã phân bổ cho các đơn vị năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
						VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059 353)	TRƯỜNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
1	KP không TX (Loại 160-Khoản 161)		3,920	0	3,920	0	0	0	0	0	0	0	3,920	
2	Kinh phí nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, hiện vật, trưng bày triển lãm, bảo quản hiện vật của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam (Loại 160-Khoản 161)		0	780	780	0		0	0	0		0	780	
3	Kinh phí hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác trưng bày, bảo quản hiện vật (Loại 160-Khoản 161)		700		700								700	
4	Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171)		0	500	500						500			
5	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171)		750	1,450	2,200	820				1,000	200		180	
6	Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171)		1,240		1,240	1,240								
IV	Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-Khoản 278)	3,500	3,500	0	3,500	3,500	0	0	0	0	0	0	0	
	<i>Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ</i>		3,500		3,500	3,500								
	Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho Hội viên; Truyền thông thay đổi hành vi về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và triển khai phong trào chống rác thải nhựa cho phụ nữ trên phạm vi cả nước		3,500		3,500	3,500								
V	Sự nghiệp kinh tế	450	450	0	450	450	0	0	0	0	0	0	0	
	<i>Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ</i>		450		450	450	0	0	0	0	0	0	0	
	Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338)		450		450	450		0						

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao năm 2022	Số đã phân bổ đợt 1 năm 2022	Số đã phân bổ đợt 2 năm 2022	Tổng số đã phân bổ cho các đơn vị năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
						VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059353)	TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BÁO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
VI	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Loại 340 - Khoản 361)	65,570	57,465	6,105	63,570	55,075	2,390	400	370	3,400	585	550	800	
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	40,570	40,570	0	40,570	38,370	2,200	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí thực hiện chi lương, các khoản theo lương		28,890	0	28,890	27,340	1,550	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí chi quản lý hành chính theo định mức		11,680	0	11,680	11,030	650							
	<i>Trong đó: giao tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2022 cho VP TW Hội (không kể tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, các khoản chi cho con người) là 346 triệu đồng</i>				0									
2	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	25,000	16,895	6,105	23,000	16,705	190	400	370	3,400	585	550	800	
2.1	Kinh phí Đề án	17,000	10,895	6,105	17,000	10,705	190	400	370	3,400	585	550	800	
	Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027"		4,100	900	5,000	4,000	100	0	0	200	250	250	200	
	Đề án 939 "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025"		6,795	3,205	10,000	6,705	90	400	370	1,200	335	300	600	
	Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài"		0	2,000	2,000					2,000				
2.2	Kinh phí các hoạt động giao riêng	8,000	6,000	0	6,000	6,000	0	0	0	0	0	0	0	
	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII và triển khai Nghị quyết đại hội		6,000	0	6,000	6,000								
VII	Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398)	3,050	1,050	2,000	3,050	1,050	0	0	0	0	0	2,000	0	
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ		1,050	2,000	3,050	1,050	0	0	0	0	0	2,000	0	

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số được giao năm 2022	Số đã phân bổ đợt 1 năm 2022	Số đã phân bổ đợt 2 năm 2022	Tổng số đã phân bổ cho các đơn vị năm 2022	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ								Ghi chú
						VĂN PHÒNG TW HỘI (MÃ QHNS: 1059477)	BAN CÔNG TÁC PHÍA NAM (MÃ QHNS: 1028841)	HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS:1059 353)	TRUNG CẤP LÊ THỊ RIÊNG (MÃ QHNS: 1050610)	BẢO PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1080543)	NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ (Mã số đơn vị: 1085403)	Trung Tâm Phụ Nữ Và Phát Triển (Mã QHNS: 1097725)	BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM (MÃ QHNS: 1059356)	
1	Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030		350		350	350								
2	Kinh phí chương trình phòng chống mua bán người theo Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ		700		700	700								
3	Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh			2,000	2,000							2,000		